

CÔNG TY TNHH MNP ENGINEERING
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MNP ENGINEERING

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MNP ENGINEERING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MNP ENG CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0107984532

3. Ngày thành lập: 05/09/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

LK05 - 21, khu đô thị An Hưng, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0967336319

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
2.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
3.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
4.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
5.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
6.	Đóng tàu và cầu kiện nổi	3011
7.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
8.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
9.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
10.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
11.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
12.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
13.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh,...;	4669
14.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
15.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại	3821
16.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
17.	Đóng thuyền, xuống thể thao và giải trí	3012
18.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
19.	Bán mô tô, xe máy	4541

20.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện) Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi) Bán buôn máy móc, thiết bị y tế - Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp; - Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động; - Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu; - Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào nhóm nào, sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác. Nhóm này cũng gồm: - Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính; - Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.	4659
21.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
22.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
23.	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
24.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
25.	Sản xuất xe đạp và xe cho người tàn tật	3092
26.	Chưng, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh	1101
27.	Sản xuất rượu vang	1102
28.	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
29.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
30.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
31.	Sản xuất xe có động cơ	2910
32.	Cổng thông tin	6312
33.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu	2029
34.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
35.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu	2399
36.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
37.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209

38.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
39.	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
40.	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
41.	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
42.	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
43.	Sản xuất pin và ắc quy	2720
44.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
45.	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
46.	Sản xuất máy luyện kim	2823
47.	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
48.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
49.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
50.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
51.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
52.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác	4513
53.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác	4530
54.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
55.	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
56.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
57.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
58.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
59.	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
60.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
61.	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
62.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
63.	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
64.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
65.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
66.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
67.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
68.	Xuất bản phần mềm	5820
69.	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Tư vấn về công nghệ khác	7490
70.	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813

71.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
72.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
73.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
74.	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
75.	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
76.	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
77.	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
78.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
79.	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
80.	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
81.	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
82.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
83.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822(Chính)
84.	Cho thuê xe có động cơ	7710
85.	Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại	3822
86.	Tái chế phế liệu	3830
87.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
88.	Xây dựng nhà các loại	4100
89.	Bán buôn đồ uống	4633
90.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu	6329
91.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu	8559
92.	Quảng cáo	7310
93.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
94.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
95.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) - Cho thuê không kèm người điều khiển, các thiết bị và đồ dùng hữu hình khác thường được sử dụng như hàng hóa trong kinh doanh: + Động cơ, + Dụng cụ máy, + Thiết bị khai khoáng và thăm dò dầu, + Thiết bị phát thanh, truyền hình và thông tin liên lạc chuyên môn, + Thiết bị sản xuất điện ảnh, + Thiết bị đo lường và điều khiển, + Máy móc công nghiệp, thương mại và khoa học khác;	7730
96.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740

97.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại	8230
98.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
99.	Xây dựng công trình công ích	4220
100.	Phá dỡ	4311
101.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
102.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình	4649
103.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
104.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
105.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan Chi tiết: Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	4661
106.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396
107.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
108.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
109.	Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hoà không khí và sản xuất nước đá	3530
110.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
111.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy	4543
112.	Đại lý, môi giới, đấu giá	4610
113.	Lập trình máy vi tính	6201
114.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
115.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
116.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
117.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
118.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
119.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
120.	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
121.	Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia	1103
122.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
123.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
124.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
125.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
126.	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
127.	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
128.	Bán buôn tổng hợp	4690
129.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2212
130.	Đúc kim loại màu	2432
131.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
132.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe có động cơ và động cơ xe	2930

133.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
134.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu	3290
135.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
136.	Sản xuất phân bón và hợp chất ni tơ	2012
137.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
138.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp	2021
139.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít	2022
140.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	2100
141.	Sản xuất sẫm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
142.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
143.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
144.	Đúc sắt, thép	2431

6. Vốn điều lệ: 5.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THIÊN DIỆN	Tổ 7 khu 3, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	3.750.000.000	75,000	031083007928	
2	LÊ MINH NGHĨA	Xóm 9, Xã Hội Sơn, Huyện Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	1.250.000.000	25,000	186712302	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THIÊN DIỆN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng thành viên*

Sinh ngày: 05/09/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 031083007928

Ngày cấp: 06/06/2017

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Tổ 7 khu 3, Phường Cẩm Thịnh, Thành phố Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *LK 05-21 khu đô thị An Hưng, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội